



# MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỘI RỬA TIỀN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY



Thượng úy, CN. Nguyễn Hoàng Yên \*  
 Trung úy, CN. Nguyễn Trần Thùy Linh \*\*

**Tóm tắt nội dung:** *Hội nhập quốc tế đã mang lại những lợi ích nhất định cho đất nước, nhưng cũng không ít thách thức đối với Việt Nam. Một trong các thách thức đó là việc gia tăng tội phạm mang tính quốc tế, trong đó có tội phạm rửa tiền. Các đối tượng phạm tội rửa tiền có xu hướng tấn công vào các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển do sử dụng chủ yếu tiền mặt cũng như hệ thống pháp luật quản lý xã hội còn hạn chế.*

\*\*\*\*\*

**N**gày 29/6/2009, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1999, chính thức quy định tội danh Rửa tiền tại Điều 251 Bộ luật Hình sự trên cơ sở sửa đổi tội danh Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có. Việc sửa đổi, bổ sung lần này nhằm bao quát các hành vi rửa tiền được đề cập trong các Công ước quốc tế, tạo cơ sở pháp lý để đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm rửa tiền ở nước ta, đồng thời góp phần thuận lợi cho hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền<sup>1</sup>. Tuy nhiên, sau một thời gian áp dụng thì cho đến nay vẫn chưa có một hành vi rửa tiền nào bị xét xử, mặc dù trên thực tiễn vẫn xuất hiện hành vi có dấu hiệu của tội danh này. Vấn đề này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ vấn đề lập pháp:

**Thứ nhất**, quy định về chủ thể của tội phạm rửa tiền như đã lập luận ở trên có bao gồm tội phạm nguồn hay không? Có nghĩa là, chủ thể thực hiện tội phạm nguồn, sau khi có được tiền, tài sản bất hợp pháp từ hành vi phạm tội đó, lại tiếp tục thực hiện hành vi rửa tiền theo quy định tại Điều 251 nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của các khoản tiền tài sản đó thì có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi rửa tiền hay không? Vấn đề này, pháp luật hình sự Việt Nam

lại chưa quy định rõ ràng, tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau, dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật. Các cơ quan áp dụng pháp luật ở Việt Nam cho rằng, xuất phát từ những từ ngữ nêu trong điều luật, ở Việt Nam hiện nay không xử lý hình sự đối với chủ thể thực hiện hành vi rửa tiền khi chính chủ thể này cũng thực hiện tội phạm nguồn. Điều này có thể hiểu rằng, nếu một người thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 BLHS hiện hành, sau khi có được những khoản tiền bất hợp pháp từ việc mua bán trái phép chất ma túy thì tiến hành mua bất động sản để che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của các khoản tiền này, người đó chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 BLHS.

**Thứ hai**, về đối tượng tác động: Đối tượng tác động của tội rửa tiền là tiền, tài sản do phạm tội mà có. Theo khoản 3, Điều 1, Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao ngày 30/11/2011: *“Tài sản bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản; bất động sản, động sản,*

\* Trợ giảng, Bộ môn Pháp luật,  
 Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.  
 \*\* Cán bộ, Phòng PV19,  
 Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>1</sup> Chính phủ, Tờ trình số 155/TTr-CP ngày 09 tháng 10 năm 2008 về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999.



*hoa lợi, lợi tức, vật chính, vật phụ, vật chia được, vật không chia được, vật tiêu hao, vật không tiêu hao, vật cùng loại, vật đặc định, vật đồng bộ và quyền tài sản*". Như vậy, điều luật quy định đối tượng tác động của tội rửa tiền không đòi hỏi yếu tố định lượng, có nghĩa là Điều 251 BLHS hiện hành không quy định trong cấu thành cơ bản định lượng tài sản nên chỉ cần đối tượng tác động là tài sản do phạm tội mà có chứ không cần định lượng tài sản là bao nhiêu đã có dấu hiệu của tội phạm. Theo quan điểm tác giả, quy định như vậy sẽ tạo thuận lợi về mặt pháp lý trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rửa tiền. Nhưng một vấn đề thực tế là sẽ gây khó khăn trong hoạt động điều tra vì chúng ta không đủ lực lượng để tiến hành tất cả các hoạt động điều tra khi lượng tiền, tài sản bị rửa quá ít. Cũng chính vì vậy tạo tâm lý không tập trung vào những đối tượng cụ thể trong quá trình điều tra, làm giảm hiệu quả đấu tranh chống tội phạm.

**Thứ ba**, đó là vấn đề xác định phạm vi của tội phạm nguồn. Tội phạm nguồn là tội phạm được thực hiện trước đó để thu về một khoản lợi nhuận nhất định, đã được Công ước Palermo 2000 đề cập đến ở biên độ rộng nhất của các hành vi vi phạm nguồn. Pháp luật Việt Nam không giới hạn phạm vi của tội phạm nguồn, điều này đáp ứng được các yêu cầu đặt ra của pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, việc quy định phạm vi quá rộng như vậy sẽ gây khó khăn cho quá trình điều tra loại tội phạm này. Khi chứng minh tội phạm nguồn, thường liên quan đến việc chứng minh tài sản cần tẩy rửa có từ đâu. Thông thường có thể chứng minh bằng hai cách thức sau<sup>2</sup>:

- **Một là**, chứng minh tội phạm nguồn đã xảy ra, sau đó lần theo dấu vết của đồng tiền để coi hành vi rửa tiền tiếp theo xảy ra hay không. Việc xác định được tội phạm rửa tiền phải đáp ứng được hai yêu cầu, đó là phải chứng minh được rằng có tội phạm đã thực hiện trước đó và yêu cầu thứ hai chính là mối quan hệ nhân quả

giữa tội phạm nguồn và tài sản rửa tiền đã diễn ra theo chu trình nào, tức tài sản có được cần tẩy rửa phải phát sinh từ tội phạm đã thực hiện.

- **Hai là**, hướng ngược lại của quá trình nêu trên, tức là phát hiện được hành vi "tẩy trắng" đồng tiền, rồi xem xét đến tội phạm nguồn nào đã được thực hiện, tức tài sản cần tẩy rửa đó có nguồn gốc từ đâu. Việc xác định tài sản có từ đâu chính là việc chứng minh tội phạm nguồn đã được thực hiện như thế nào hay không cần xác định tội phạm nguồn đã xảy ra mà chỉ cần xem xét đó là tài sản bất chính.

Cả hai quá trình điều tra đều có những ưu điểm và những hạn chế nhất định, cho nên phải tùy trường hợp mà áp dụng để không bỏ lọt tội phạm.

**Thứ tư**, vấn đề áp dụng pháp luật để phân biệt giữa tội rửa tiền và tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Theo quy định của Công ước Palermo 2000, hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có cũng là hành vi rửa tiền. Tuy nhiên, theo Luật Hình sự Việt Nam hiện nay thì đây là hai tội danh riêng biệt có cùng đối tượng tác động là tiền tài sản do phạm tội mà có. Theo Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao ngày 30/11/2011 giải thích hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bao gồm: mua, bán, thuê, cho thuê, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký gửi, cho, tặng, nhận tài sản hoặc giúp cho việc thực hiện các hành vi đó. Trong đó, hoạt động mua, bán, thuê, cho thuê... là những hoạt động có phát sinh lợi nhuận, cũng có thể xem là hoạt động kinh doanh. Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 251 BLHS về tội rửa tiền: "*Sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác*". Có nghĩa là sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác là việc dùng tiền, tài

<sup>2</sup> Nhà Pháp luật Việt - Pháp, Hội thảo pháp luật về đấu tranh phòng chống tội hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có (ngày 12, 13, 14 năm 2000), trang 14.



sản đó vào các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, thành lập công ty, xây dựng trường học, bệnh viện, mua tài sản dưới các hình thức khác nhau hoặc sử dụng dưới danh nghĩa tài trợ, từ thiện, viện trợ nhân đạo. Theo khoản 16, Điều 4, Luật doanh nghiệp 2014 quy định: “*Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi*”. Theo tác giả, quy định giữa hai điều luật vẫn chưa rõ ràng, còn chông lẩn về hoạt động kinh doanh dẫn đến khó việc áp dụng chính xác.

Từ những hạn chế trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau đây nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội danh rửa tiền.

**Thứ nhất,** Điều 251 cần bổ sung theo hướng coi hành vi tự rửa tiền của chủ thể tội phạm nguồn cũng là hành vi phạm tội rửa tiền khi thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm này và người thực hiện hành vi tự rửa tiền cũng phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập, quan điểm này dựa trên những cơ sở sau:

- Xuất phát từ yêu cầu của nguyên tắc công bằng về trách nhiệm hình sự<sup>3</sup> và tính nguy hiểm của hành vi rửa tiền. Theo lí luận truyền thống, hành vi tự rửa tiền được thực hiện là kết quả tự nhiên của việc thực hiện tội phạm nguồn và sẽ không tách riêng để xử lý như một tội danh độc lập. Giống như việc đối tượng sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã tiến hành tiêu thụ, tẩu tán tài sản chiếm đoạt được để tránh sự phát hiện của cơ quan có thẩm quyền. Từ trước đến nay khi xét xử những vụ án như vậy, chúng ta chỉ kết án người phạm tội với tội danh ban đầu họ thực hiện chứ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tẩu tán, tiêu thụ tài sản nói trên mặc dù hành vi đó mang bản chất là rửa tiền. Nhưng với sự phát triển của nền kinh tế hiện nay cùng với sự phát triển của các tổ chức tội phạm, hành vi tự rửa tiền không chỉ giới hạn trong mục đích là che giấu, tiêu thụ tài sản đã chiếm đoạt được mà nó còn tiềm ẩn những mối

nguy hại khác. Số lượng tiền, tài sản có được từ các hoạt động phạm tội về cướp, tham nhũng, lừa đảo, buôn lậu, ma túy... ngày càng khổng lồ. Nếu số tiền này thâm nhập vào hệ thống tài chính, đầu tư vào kinh doanh “ảo” hay được sử dụng để hỗ trợ cho những hành vi phạm tội mới, nhất là việc tài trợ cho khủng bố thì rõ ràng hành vi này là cực kì nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến khách thể riêng biệt là sự ổn định của hệ thống tài chính, an ninh quốc gia nên nó hoàn toàn tách biệt và độc lập so với tội phạm nguồn. Theo quan niệm của một số nước, liệu quy định về hình phạt ở tội phạm nguồn có bao quát được cả hình phạt đối với tội rửa tiền hay không? Trong trường hợp này, cả hành vi phạm tội nguồn và hành vi tự rửa tiền đều phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập như những tội danh riêng biệt<sup>4</sup>. Điều này sẽ làm cho tính nghiêm minh của pháp luật được đảm bảo và sự công bằng trong xã hội cũng sẽ được củng cố.

- Xuất phát từ lợi ích quốc gia và yêu cầu của hoạt động hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống rửa tiền. Hiện nay, với sự mở rộng giao lưu hợp tác trên tất cả các lĩnh vực đã làm cho nền kinh tế – văn hóa của nhiều quốc gia xích lại gần nhau hơn nhưng cũng là cầu nối để người phạm tội thực hiện những liên kết mang tầm quốc tế để hình thành nên những tổ chức tội phạm lớn hơn. Bởi vậy, không phải lúc nào tội phạm nguồn và tội rửa tiền cũng xảy ra và kết thúc trên lãnh thổ một quốc gia. Ngay đối với một hành vi rửa tiền cũng đã được chúng thực hiện ở nhiều quốc gia thông qua việc chuyển gửi tiền hay các hoạt động đầu tư nước ngoài hoặc xây dựng các công ty “*binh phong*” ở nước khác nhằm đánh lạc hướng điều tra, tránh sự phát hiện của cơ quan thi hành pháp luật. Nếu như loại trừ người thực hiện tội phạm nguồn ra khỏi chủ thể của tội rửa tiền, trong trường hợp điều tra làm rõ người phạm tội thực hiện tội phạm nguồn ở một quốc gia khác nhưng lại thực hiện hành vi rửa tiền ở nước ta và gây ra những hậu quả nguy hại cho

3 Đào Trí Úc (2000), Chuyên khảo Luật hình sự Việt Nam, quyển 1 - Những vấn đề chung, NXB Khoa học xã hội.

4 Nguyễn Ngọc Minh (2011), “Nghiên cứu phạm vi của chủ thể của tội phạm rửa tiền trong Luật Hình sự Việt Nam”, Tạp chí dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp, số 12, trang 9 – 14.



xã hội, thì lúc đó luật của chúng ta không đủ điều kiện để xử lý người phạm tội. Nếu trong hệ thống nội luật, chúng ta không có căn cứ để xử lý đối tượng phạm tội trong trường hợp này, thì hiển nhiên chúng ta cũng sẽ không có tư cách tham gia vào quá trình chia sẻ tài sản bị tịch thu từ đối tượng phạm tội. Điều này rõ ràng là bất lợi trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia.

**Thứ hai**, theo quy định hiện hành của tội rửa tiền, chủ thể của tội rửa tiền phải “*biết rõ tiền, tài sản do phạm tội mà có*”. Như vậy dựa vào điều luật quy định đòi hỏi cơ quan chức năng phải chứng minh được chủ thể thực hiện hành vi rửa tiền “*biết rõ tiền, tài sản do phạm tội mà có*”. Vậy, nếu trong trường hợp cơ quan chức năng phát hiện hành vi rửa tiền trước khi phát hiện tội phạm nguồn thì khó có cơ sở để chứng minh được nguồn tiền và tài sản đó do phạm tội mà có cũng như chứng minh mức độ “*biết rõ*” của chủ thể thực hiện hành vi rửa tiền là như thế nào. Có nghĩa là Cơ quan điều tra phải chứng minh một tội phạm cụ thể được thực hiện trước đó mới có cơ sở chứng minh tội phạm rửa tiền. Điều này là hết sức khó khăn khi các dòng tiền, tài sản do phạm tội mà có có thể đã qua rất nhiều giai đoạn trung gian trước khi bị cơ quan chức năng phát hiện. Vậy, cần có hướng dẫn cụ thể đối với vấn đề chứng minh tiền, tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp này. Hơn nữa, giữa “*biết*” và “*biết rõ*” khác nhau về nội hàm như thế nào? Trong trường hợp này, chỉ cần “*biết tiền, tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp*” mà vẫn thực hiện hành vi rửa tiền nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của các khoản tiền, tài sản bất hợp pháp đó thì truy cứu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền.

**Thứ ba**, về đối tượng tác động của tội rửa tiền. Theo quy định tại Điều 251 BLHS thì đối tượng tác động của tội rửa tiền bao gồm “*tiền, tài sản do phạm tội mà có*”, có nghĩa là tài sản không bao gồm tiền. Bên cạnh đó, Điều 2, điểm d của Công ước đã quy định rõ khái niệm tài sản: “*tài sản có nghĩa là mọi loại của cải, cụ thể hay không cụ thể, dịch chuyển được hay không dịch chuyển được, hữu hình hay vô hình và các giấy tờ pháp lý hoặc những*

*thứ là bằng chứng về quyền sở hữu hoặc lợi ích trên tài sản đó*”. Cho đến nay, BLHS của nước ta cũng như các văn bản hướng dẫn không định nghĩa cụ thể như thế nào là tiền, tài sản do phạm tội mà có. Việc quy định “*tiền, tài sản*” là chưa rõ ràng, gây ra nhiều cách hiểu đối với các văn bản luật. Điều 163 BLDS 2005 quy định “*tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản*”. Như vậy, tài sản đã bao gồm tiền. Cách hiểu này có được đương nhiên áp dụng trong BLHS hay không? Nếu có thì quy định “*tiền, tài sản*” như trong luật như vậy có chồng chéo nhau hay không? Vì vậy, để tránh hiểu nhầm nội hàm của khái niệm tài sản khi xử lý tội phạm cần có hướng dẫn cụ thể.

Ngoài ra, cần định lượng cho đối tượng tác động của tội rửa tiền. Nên định lượng giá trị của tiền, tài sản do phạm tội mà có ở mức tối thiểu là 300 triệu đồng thì mới truy cứu trách nhiệm hình sự vì nó phù hợp với các báo cáo giao dịch đáng ngờ được quy định trong Luật phòng, chống rửa tiền năm 2012 cũng như tạo thuận lợi cho các cơ quan chức năng tập trung lực lượng vào những vụ án cụ thể. Tất nhiên, giá trị định lượng này có thể thay đổi theo thời gian, tùy điều kiện kinh tế - xã hội.

**Thứ tư**, kiến nghị quy định rõ mục đích che giấu tiền, tài sản do phạm tội mà có tại điểm b, khoản 1, Điều 251. Cần sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 251 có nội dung như sau: “*Sử dụng tiền, tài sản biết là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó*”. Quy định nhằm làm rõ mục đích của chủ thể khi thực hiện các hoạt động kinh doanh hoặc các hoạt động khác phải có mục đích là nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của các khoản tiền, tài sản do phạm tội mà có để tránh nhầm lẫn với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Như vậy, khi Cơ quan điều tra chứng minh hành vi rửa tiền theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 251 BLHS hiện hành buộc phải chứng minh mục đích của người thực hiện hành vi là che giấu nguồn gốc bất hợp pháp các khoản tiền, tài sản do phạm tội mà có./.